

Bản án số: 39/2020/HS-ST

Ngày: 19/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Hữu Quang – Giáo viên trường Bồi dưỡng Quận 7;

- Bà Nguyễn Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 17/4/2020 và tuyên án ngày 19/5/2020 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Âu Quang H, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh năm 1979 tại Nghệ An, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 797 đường A, Khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: B10-08 Chung cư D, số 528 đường E, phường F, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; con ông Âu Quang V và bà Phạm Thị Đ; có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Phước T, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp G, thị trấn H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Số 1225 đường I, phường J, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; con ông Hồ Phước H và bà Lê Thị Thùy D; có vợ và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

3. My Duy L, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh năm 2000 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm K, xã L, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 797 đường M, phường N, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; con ông My Duy L và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con;

tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Quốc V, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh năm 1996 tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 11 đường Q, phường R, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; con ông Huỳnh Văn D và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

5. Đặng Minh Đ, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh ngày 08/6/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 845/5/6 Ấp S, xã T, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Nhà không số, Tổ U, Ấp V, xã W, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 11/12; con ông Đặng Minh H và bà Trần Thị Kim T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

6. Dương Thị Bích L, tên gọi khác:./.; giới tính: Nữ; sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14/9 Tổ A, Khu phố S, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định, nghề nghiệp: Kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; con ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh Đ; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

7. Võ Thành Đ, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh ngày 08/12/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24/42 đường Q, phường W, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 289/12 E, Phường R, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; con ông Lâm Minh H và bà Võ Thị Y; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, đến ngày 09/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Hoài N, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh năm 1998 tại Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp P, xã O, huyện Châu Thành A, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Ngọc T, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh ngày 26/7/2001 tại Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp I, xã U, huyện Châu Thành A, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: D6/28, Khu phố Y, thị trấn T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; con ông Trần Minh T và bà Trần Thị Ngọc G; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, đến ngày 16/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn T, tên gọi khác:./.; giới tính: Nam; sinh năm 1991 tại Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã E, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh

Long; nơi cư trú: Số 350/15A đường W, phường Q, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị R; có vợ và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thành Đ có Luật sư Hồ Phước L thuộc Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và Luật sư Vũ Hữu Thiên A thuộc Văn phòng Luật sư S, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Âu Quang H có Luật sư Lê Ngọc P thuộc Văn phòng Luật sư F, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Minh Đ có Luật sư Võ Thị L thuộc Văn phòng Luật sư G, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Z; địa chỉ trụ sở: Số 797 đường X, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thùy Thanh T – Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (vắng mặt);

2. Ông Lê Hoàng T; sinh ngày 04/5/2001; địa chỉ: Số 1692 Ấp V, xã B, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3. Ông Lương Vĩ K, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 1135/41/20/10 đường N, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

4. Ông Huỳnh Thế P, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 91C1 KDC SAVIMEX đường M, phường H, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Tùng Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 1135/41/20 đường G, phường F Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

6. Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1994; địa chỉ: Xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt);

7. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 1135/4 đường S, phường A, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

8. Ông Võ Nhật L; sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Q, xã W, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

9. Ông Đặng Văn Quyết C, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 719/48/7A đường E, Khu phố R, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

10. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2000; địa chỉ: Số 1333/17 đường Y, phường U, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

11. Ông Trần Hồ Bảo V, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 2/5C đường D, Khu phố G, phường W, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt);

12. Ông Bùi Duy B, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 487/47B/47 Khu phố Q, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

13. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ: I, R, Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

14. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 71/13 đường R, Phường E, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

15. Bà Trương Thị Thanh P, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 178 đường K, phường L, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

16. Ông Nguyễn Ngọc P; sinh năm 1983; địa chỉ: B1-203 Chung cư T, phường R, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt);

17. Ông Trần Văn H, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 110 đường Q, Ấp 4, xã W, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

18. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 1806/23 đường Y, Khu phố U, Thị trấn T, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt);

19. Ông Giang Hoàng Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 71/13 đường G, Phường G, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

20. Ông Trương Hòa T; sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 185/2A ấp R, xã E, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2019, Âu Quang H kinh doanh karaoke tại quán Karaoke T (địa chỉ số 797 R, Khu phố W, phường Q, Quận 7). Do việc kinh doanh Karaoke vắng khách, không có lợi nhuận nên H quyết định đầu tư lại các dàn máy âm thanh loại lớn; để thu hút khách đến, H bàn cùng các nhân viên phục vụ phòng Karaoke, đồng ý cho khách đến thuê phòng karaoke để sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng. H đề ra quy định, cùng một loại phòng, nếu khách đến thuê phòng để sử dụng ma túy gọi là phòng ca, giá tiền thuê phòng ca nhỏ (khách sử dụng ma túy) là 350.000đồng/1 giờ, đối với phòng ca lớn là 450.000đồng/1 giờ; nếu khách đến thuê phòng hát Karaoke bình thường thì gọi phòng hát, giá tiền thuê phòng hát nhỏ 100.000đồng/1 giờ, phòng hát lớn là 200.000 đồng/1 giờ. Hiện thuê 04 nhân viên phục vụ gồm: Hồ Phước T, My Duy L, Huỳnh Quốc V và Đặng Minh Đ, lương thỏa thuận H trả 2.000.000đồng/1 tháng/người; lập ra nhóm zalo để thuận tiện trong việc các bị cáo trao đổi, thông tin với nhau giờ khách ra, vào phòng, số lượng khách, loại khách ca (sử dụng ma túy) hay khách hát. Ngoài ra, H còn trang bị bộ đàm cho từng tầng để thông báo cho nhau. Theo yêu cầu của H, khi có khách đến thuê phòng sử dụng chất ma túy thì nhân viên sẽ thông báo trên nhóm zalo cho cả nhóm biết, cung cấp những dụng cụ cho khách sử dụng ma túy tại phòng như: đĩa thủy tinh, thẻ nhựa để cà, phân chất ma túy, ống hút và các đồ uống khác. Nhân viên phục vụ tốt cho khách, thì được hưởng tiền thưởng của khách cho, H không ký hợp đồng lao động với các nhân viên phục vụ.

H bắt đầu tổ chức cho khách đến thuê phòng sử dụng trái phép chất ma túy từ đầu tháng 6/2019. Khoảng 01 giờ 30 ngày 15/7/2019, Công an Quận 7 phối hợp Công an phường P kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang tại phòng 2.1 có 06 khách thuê phòng đang sử dụng chất ma túy gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Tùng Đ, Huỳnh Thế P, Nguyễn Văn V, Đặng Hoàng T, Lương Vỹ K. Cơ quan Công an thu giữ tại phòng số ma túy của Nguyễn Văn T gồm 03 gói nylon chứa chất tinh thể không màu, qua giám định có khối lượng 1,2066 gam là ma túy loại Ketamine; T khai nhận số ma túy trên do T gọi điện thoại mua của Hồ Phước T, loại ma túy khay (Ketamin) với giá tiền 2.000.000 đồng (nhưng chưa trả tiền mua ma túy cho T), T mua để cho bản thân và bạn bè sử dụng. Cả nhóm đã sử dụng được một ít còn lại 03 gói ma túy thì bị Công an Quận 7 kiểm tra phát hiện, thu giữ;

Tại phòng 2.2 có 07 khách thuê phòng sử dụng chất ma túy gồm: Dương Thị Bích L, Võ Thành Đ (sinh ngày 08/12/2001), Võ Nhật L, Đặng Văn Quyết C, Bùi Duy B, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Hồ Bảo V. Thu giữ của Dương Thị Bích L 02 gói nylon chứa chất tinh thể không màu, qua giám định có khối lượng 1,1426 gam là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine; 02 gói nylon chứa 07 viên nén màu xanh, qua giám định có khối lượng 4,0264 gam là ma túy ở thể rắn, loại MDMA. L khai nhận: cách mấy ngày trước, L mua ma túy tại một quán Bar ở Quận 3 với giá tiền 2.000.000 đồng. Ngày 14/7/2019, L được bạn bè rủ đến Karaoke T chơi, L mang theo số ma túy trên đến phòng 2.2 để cùng bạn bè sử dụng, nhưng chưa kịp lấy ra sử dụng bị Công an Quận 7, kiểm tra phát hiện, thu giữ. Qua kiểm tra, còn phát hiện và thu giữ của Võ Thành Đ 02 viên nén, 01 viên màu xanh qua giám định có khối lượng 0,3939 gram, 01 viên nén màu vàng qua giám định có khối lượng 0,5105 gam là ma túy ở thể rắn, loại MDMA. Đ khai nhận: 02 viên nén ma túy mà Công an Quận 7 thu giữ là do Đ được người bạn quen biết ngoài xã hội (không rõ nhân thân lai lịch) cho Đ cách nay khoảng 2 tháng. Đ cất giữ đến ngày 14/7/2019, Đ được Đặng Văn Quyết Ch rủ đến Karaoke T chơi, Đ mang theo 02 viên ma túy để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng bị Công an Quận 7, kiểm tra phát hiện, thu giữ.

Tại phòng 2.3 có 03 khách thuê phòng sử dụng chất ma túy gồm: Trần Hoài N, Trần Ngọc T (sinh ngày 26/7/2001), Nguyễn Thị P. Thu giữ của Trần Hoài N 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu, qua giám định có khối lượng 0,3945 gam là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, 02 viên nén màu xanh qua giám định có khối lượng 0,9086 gam là ma túy ở thể rắn, loại MDMA. Nam khai nhận cùng Trần Ngọc T rủ nhau đến Karaoke T nhằm mục đích thuê phòng vui chơi và sử dụng chất ma túy; mỗi người hùn 1.500.000 đồng, N gọi điện thoại đặt mua ma túy của Hồ Phước T gồm: 01 gói ma túy khay, 02 viên ma túy nén với giá tiền 1.300.000 đồng. Mua được ma túy, N đưa vào phòng để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng bị Công an Quận 7 kiểm tra phát hiện, thu giữ;

Tại phòng 3.3 có 07 khách thuê phòng sử dụng ma túy gồm: Nguyễn Ngọc P, Trương Thị Thanh P, Trương Hòa T, Nguyễn Ngọc T, Giang Hoàng Đ, Nguyễn Thị Thùy D, Trần Văn H. Thu giữ của Nguyễn Ngọc P 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, qua giám định có khối lượng 0,1052 gam là ma túy ở thể rắn loại Ketamine. P khai nhận đã nhờ Trần Văn H đi mua dùm 01 gói ma túy có giá 1.000.000 đồng về cho cả nhóm sử dụng. H đã mua được ma túy mang đến phòng 3.3 đưa cho P. Tại thời điểm Công an Quận 7 kiểm tra, Phương và nhóm bạn của mình đã sử dụng một ít, số ít còn lại bị Công an Quận 7 thu giữ. Qua giám định, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1052 gam, loại Ketamine.

Tại Cơ quan điều tra, Âu Quang H, Hồ Phước T, My Duy L, Huỳnh Quốc V, Đặng Minh Đ, Trần Hoài N, Dương Thị Bích L, Võ Thành Đ, Nguyễn Văn T, Trần Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận giám định số 1445/KLGĐ-H ngày 22/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố hồ Chí Minh kết luận:

“ - Gói 1 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Dương Thị Bích L và hình dấu Công an phường P, Quận 7, bên trong có:

+ 07 viên nén màu xanh dương trong 02 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,0264g (bốn phẩy không hai sáu bốn gam), loại MDMA.

+ Tinh thể không màu trong 02 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1426g (một phẩy một bốn hai sáu gam), loại Ketamine.

- Gói 2 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Võ Thành Đ và hình dấu Công an phường P, Quận 7, bên trong có 01 gói nylon chứa:

+ 01 viên nén màu xanh lá cây là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3939g (không thấy ba chín ba chín gam), loại MDMA.

+ 01 viên nén màu vàng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5105g (không thấy năm một không năm gam), loại MDMA.”

Kết luận giám định số 1446/KLGD-H ngày 22/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố hồ Chí Minh kết luận:

“- 01 gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Hoài N, Trần Ngọc T và hình dấu Công an phường P, Quận 7, bên trong có:

- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3945g (không thấy ba chín bốn năm gam), loại Ketamine.

- 02 viên nén màu xanh trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,9086g (không thấy chín không tám sáu gam), loại MDMA.”

Kết luận giám định số 1447/KLGD-H ngày 22/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố hồ Chí Minh kết luận:

“Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc P và hình dấu Công an phường P, Quận 7, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1052g (không thấy một không năm hai gam), loại Ketamine.”

Kết luận giám định số 1448/KLGD-H ngày 22/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố hồ Chí Minh kết luận:

“Tinh thể không màu trong 03 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Thanh và hình dấu Công an phường P, Quận 7, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,2066g (một thấy hai không sáu sáu gam), loại Ketamine.”

Vật chứng thu giữ:

- 04 (bốn) màn hình hiệu BTE;

- 03 (ba) tivi Panasonic ;

- 01 (một) tivi LG 49LJ553T-TC;

- 04 (bốn) loa thùng để sàn màu đen hiệu CAT KING model LA18B;

- 08 (tám) loa treo tường hiệu JBL Ki312 màu xanh đen;

- 04 (bốn) cục công suất hiệu bce C8800;

- 04 (bốn) đầu thu micro không dây hiệu AAP K-900F màu đen;

- 04 (bốn) đầu chỉnh âm thanh hiệu bce APP-9000 màu đen;

- 04 (bốn) đèn hình cầu;

- 04 (bốn) đèn quay;

- 01 (một) điện thoại Iphone X màu trắng (không kiểm tra được số IMEI) của Nguyễn Văn T, điện thoại dùng để liên lạc mua ma túy sử dụng;

- 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh đen số IMEI: 353217/07/001823/2 của Trần Hoài N sử dụng điện thoại liên lạc mua ma túy;

- 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng số IMEI: 3583690646698142 và 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng (không kiểm tra được số IMEI) của Võ Thành Đ, không sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy;

- 01 (một) điện thoại Iphone màu hồng (không kiểm tra được số IMEI) của Dương Thị Bích L không sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy.

- 01 (một) điện thoại SamSung Galaxy Note 5 màu vàng số IMEI: 353410/07236803/2 của Hồ Phước T, sử dụng điện thoại liên lạc mua bán ma túy và nhắn tin báo tin khi khách vào thuê phòng sử dụng ma túy.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đỏ số IMEI: 357314088471341 và 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng đồng (không kiểm tra được số IMEI) của Âu Quang H, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J1 màu xám số IMEI: 353120/08/984293/3 của Đặng Minh Đ, bị cáo không sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J7 màu trắng xanh số IMEI: 355726/09/88777/8 của Huỳnh Quốc V, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại ITEL màu đỏ số IMEI: 354083095894455 của Huỳnh Quốc V, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

+ 01 (một) điện thoại Iphone 4 màu đen (không kiểm tra được số IMEI) của My Duy L, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước

+ 09 thẻ bằng nhựa,

+ 02 ống hút bằng giấy tiền loại 10.000 đồng,

+ 04 đĩa thủy tinh,

+ 05 gói niêm phong gồm vụ: 1445/19/Q7, 1445/19/Q7, 1446/19/Q7, 1447/19/Q7, 1448/19/Q7.

+ Số tiền 11.600.000 đồng, là tiền của các bị cáo dùng để mua ma túy và trả tiền thuê phòng sử dụng ma túy.

Bản Cáo trạng số 157/CT-VKSQ7 ngày 30/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố các bị cáo:

- Âu Quang H, My Duy L, Huỳnh Quốc V, Đặng Minh Đ về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Hồ Phước T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255 và Điểm b, c Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Võ Thành Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Dương Thị Bích L, Trần Hoài N, Trần Ngọc T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo Hiền khai nhận bị cáo mới tổ chức cho khách thuê phòng karaoke sử dụng ma túy thì bị Công an Quận 7 phát hiện, bắt giữ; bị cáo chưa thu được lợi nhuận.

Bị cáo Đ ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị cáo cho rằng các tình tiết bản Cáo trạng truy tố bị cáo là không đúng, bị cáo không cung cấp các đĩa sứ, thẻ nhựa cho các phòng 2.1, 2.2, 2.3 để khách sử dụng ma túy; khi bị bắt đưa về Công an phường P bị

cáo mới biết các phòng bị cáo phục vụ khách có sử dụng ma túy, bị cáo bị oan. Tại phần xét hỏi bị cáo khai nhận: Quá trình điều tra bị cáo không bị bức cung, mớm cung, nhục hình; các lời khai, bản tự khai của bị cáo khi bị bắt quả tang tại Công an phường P: các lời khai, bản tự khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật, có sao bị cáo khai như vậy; sau khi đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử công bố nội dung các bản tự khai, các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận các lời khai này là đúng, không oan sai. Tại phần tranh luận, bị cáo không kêu oan, không tranh luận đối với mức án, các tình tiết Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo; trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Các bị cáo: Âu Quang H, My Duy L, Huỳnh Quốc V, Đặng Minh Đ phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Hồ Phước T phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Và các bị cáo: Võ Thành Đ, Nguyễn Văn T, Dương Thị Bích L, Trần Hoài N, Trần Ngọc T, phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng các Điểm a, b, c Khoản 2, Khoản 5 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt đối với bị cáo Âu Quang H từ 08 năm đến 09 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo Hiến số tiền từ 50.000.000 đồng - 60.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng các Điểm b, c Khoản 2 Điều 251; các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt đối với bị cáo Hồ Phước T: Từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Phước T chấp hành hình phạt chung cả hai tội từ 14 năm 06 tháng đến 16 năm tù.

- Áp dụng các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo My Duy L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc V từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Minh Đ, từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, L, V, Đ.

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249 BLHS; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thành Đ từ 07 đến 08 tháng tù.

- Áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thị Bích L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hoài N từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc T thời hạn tù bằng với thời gian tạm giam bị cáo từ ngày 15/7/2019 đến 16/3/2020 là 08 tháng 01 ngày tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 106 BLTTHS đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 04 (bốn) màn hình hiệu BTE.

+ 03 (ba) tivi Panasonic

+ 01 (một) tivi LG 49LJ553T-TC

+ 04 (bốn) loa thùng để sàn màu đen hiệu CAT KING model LA18B

+ 08 (tám) loa treo tường hiệu JBL Ki312 màu xanh đen:

+ 04 (bốn) cục công suất hiệu bce C8800.

+ 04 (bốn) đầu thu micro không dây hiệu AAP K-900F màu đen.

+ 04 (bốn) đầu chỉnh âm thanh hiệu bce APP-9000 màu đen.

+ 04 (bốn) đèn hình cầu.

+ 04 (bốn) đèn quay.

+ 02 ống hút bằng giấy tiền loại 10.000 đồng,

+ Số tiền 11.600.000 đồng, là tiền của các bị cáo dùng để mua ma túy và trả tiền thuê phòng sử dụng ma túy.

+ 01 (một) điện thoại Iphone X màu trắng (không kiểm tra được số IMEI) của Nguyễn Văn Thanh, điện thoại dùng để liên lạc mua ma túy sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh đen số IMEI: 353217/07/001823/2 của Trần Hoài N sử dụng điện thoại liên lạc mua ma túy.

+ 01 (một) điện thoại SamSung Galaxy Note 5 màu vàng của Hồ Phước T, sử dụng điện thoại liên lạc mua bán ma túy và nhắn tin báo tin khi khách vào thuê phòng sử dụng ma túy .

+ 01 (một) điện thoại Nokia màu đỏ và 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng đồng của Âu Quang H, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

+ 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J7 màu trắng xanh số IMEI: 355726/09/88777/8 của Huỳnh Quốc V, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

+ 01 (một) điện thoại ITEL màu đỏ số IMEI: 354083095894455 của Huỳnh Quốc V, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

+ 01 (một) điện thoại Iphone 4 màu đen (không kiểm tra được số IMEI) của My Duy L, sử dụng điện thoại trao đổi liên lạc vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đề nghị trả lại cho:

+ Bị cáo Võ Thành Đ: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng số IMEI: 3583690646698142 và 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng (không kiểm tra được số IMEI), do không sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy

+ Bị cáo Dương Thị Bích L: 01 (một) điện thoại Iphone màu hồng, do không sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy .

+ Bị cáo Đặng Minh Đ 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J1 màu xám số IMEI: 353120/08/984293/3 do bị cáo không sử dụng điện thoại để trao đổi, liên lạc việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 09 thẻ bằng nhựa,

+ 04 đĩa thủy tinh,

+ 05 gói niêm phong gồm vụ: 1445/19/Q7, 1445/19/Q7, 1446/19/Q7, 1447/19/Q7, 1448/19/Q7.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Võ Thành Đ: Về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Đ khi phạm tội chưa thành niên, nhận thức có phần hạn chế; qua thời gian tạm giam bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của mình; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Đ với mức hình phạt tù bằng với thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 15/7/2019 đến ngày 09/3/2020.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Âu Quang H: Về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gia đình bị cáo có công với đất nước, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đối với đề nghị phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là lao động chính, đang phải nuôi con còn nhỏ; hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn, trong thời gian tổ chức sử dụng ma túy bị cáo không thu được lợi nhuận nên đề nghị xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Ngày 14/7/2019 bị cáo Đ vào làm việc thì các bị cáo khác đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thông qua hoạt động cho thuê phòng Karaoke, bị cáo vào làm việc được vài tiếng thì bị bắt cùng các bị cáo khác, bị cáo không bàn bạc, không biết Karaoke T tổ chức sử dụng ma túy; là một thanh niên mới lớn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải đi

làm thêm vào buổi tối để mưu sinh, bị cáo chỉ làm theo như những người làm công khác. Như vậy, đề nghị xem xét vai trò đồng phạm, ý thức chủ quan của bị cáo; đề nghị Hội đồng xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các Luật sư bào chữa, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Luật sư bào chữa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, nhằm mục đích thu hút thêm khách, các bị cáo Âu Quang H, Hồ Phước T, My Duy L, Huỳnh Quốc V, Đặng Minh Đ đã tổ chức cho khách thuê các phòng Karaoke để khách sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng; để dễ theo dõi quản lý, thông báo cho nhau; các bị cáo đã thống nhất quy ước khách thuê phòng để sử dụng ma túy gọi là khách ca, khách đến hát Karaoke bình thường gọi là khách hát, các bị cáo đã tham gia vào nhóm Zalo riêng để thông báo cho nhau loại khách, giờ vào, giờ ra. Như vậy, các bị cáo là đồng phạm thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần; thuộc trường hợp tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy; tổ chức cho người từ đủ 13 đến dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo H là người tổ chức, cầm đầu, các bị cáo T, L, V và Đ là người giúp sức cho bị cáo H. Do đó, hành vi của các bị cáo Âu Quang H, Hồ Phước T, My Duy L, Huỳnh Quốc V, Đặng Minh Đ đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Hồ Phước T còn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T và Trần Hoài N. Bị cáo thực hiện hành vi mua bán nhiều lần, bán cho nhiều người. Do đó, hành vi của bị cáo T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại các Điểm b, c Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng. Khối lượng ma túy thu giữ là 1,2066 gam (một phẩy hai không sáu sáu gam), loại Ketamine. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Bị cáo Dương Thị Bích L thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng. Khối lượng ma túy bị thu giữ là 1,1426 gam (một phẩy một bốn hai sáu gam), loại Ketamine và 4,0264 gam (bốn phẩy không hai sáu bốn gam), loại MDMA. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Bị cáo Võ Thành Đ thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng. Khối lượng ma túy bị thu giữ là 0,9044 gam (không phải chín không bốn bốn gam), loại MDMA. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Các bị cáo Trần Hoài N, Trần Ngọc T đã đồng phạm thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng. Khối lượng ma túy bị thu giữ là 0,3945g (không phải ba chín bốn năm gam), loại Ketamine và 0,9086g (không phải chín không tám sáu gam), loại MDMA. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Bị cáo H tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo,

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm, vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần có mức án phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo T, L, V, T, Đ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, phải trực tiếp nuôi dưỡng con còn nhỏ; các bị cáo H, T, T gia đình có công với đất nước, được tặng thưởng nhiều Huân Huy chương nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Võ Thành Đ khi phạm tội là người chưa thành niên; căn cứ các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tuyên phạt tù các bị cáo bằng với thời gian tạm giam các bị cáo như đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng, tài sản của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Tiếp tục thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án các đĩa CD hình ảnh có âm thanh các buổi làm việc, lấy lời khai, hỏi cung đối với các bị cáo.

[6] Đối với các đối tượng Bùi Duy B, Nguyễn Ngọc P, Trần Văn H, Đặng Văn Quyết C, Huỳnh Thế P đã có hành vi rủ, đi tìm mua, cung cấp ma túy, thuê phòng để cho cả nhóm sử dụng ma túy tại các phòng 2.1, 2.2, 2.3, 3.3 là có dấu hiệu phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự; Tòa án nhân dân Quận 7 đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 giữ quan điểm cho rằng chưa đủ chứng cứ để khởi tố, truy tố các đối tượng Bùi Duy B, Nguyễn Ngọc P, Trần Văn H, Đặng Văn Quyết C, Huỳnh Thế P về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về giới hạn của việc xét xử; Tòa án xét xử đối với các bị cáo mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Đối với người thanh niên bán ma túy cho bị cáo T, kiến nghị Cơ quan điều tra Công an Quận 7 tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Đối với Công ty TNHH Z và bà Phan Thùy Thanh T (người đại diện theo pháp luật của công ty; Ủy ban nhân dân Quận 7 đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm trong hoạt động kinh doanh karaoke tại Karaoke T là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Tùng Đ, Nguyễn Văn V, Đặng Hoàng T, Lương Vũ K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn Văn T tại phòng 2.1; Võ Nhật L, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Hồ Bảo V có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Dương Thị Bích L, Võ Thành Đ tại phòng 2.2; Nguyễn Thị P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Trần Hoài N, Trần Ngọc T tại phòng 2.3; Trương Thị Thanh P, Trương Hòa T, Nguyễn Ngọc T, Giang Hoàng Đ, Nguyễn Thị Thùy D có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn Ngọc Phương, Trần Văn H tại phòng 3.3 khi bị bắt quả tang, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử lý hành chính theo quy định là phù hợp.

[7] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- Các bị cáo: Âu Quang H, My Duy L, Huỳnh Quốc V, Đặng Minh Đ phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Bị cáo Hồ Phước T phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Các bị cáo: Võ Thành Đ, Nguyễn Văn T, Dương Thị Bích L, Trần Hoài N, Trần Ngọc T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ vào các Điểm a, b, c Khoản 2, Khoản 5 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Âu Quang H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Âu Quang H số tiền 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ vào các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; các Điểm b, c Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hồ Phước T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

3. Căn cứ vào các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo My Duy L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

4. Căn cứ vào các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc V 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

5. Căn cứ vào các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đặng Minh Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

6. Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249 BLHS; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Thành Đ thời hạn tù bằng với thời gian đã tạm giam (từ ngày 15/7/2019 đến ngày 09/3/2020) là 07 (bảy) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù.

7. Căn cứ vào Điểm g Khoản 1 Điều 249 Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

8. Căn cứ vào Điểm i Khoản 1 Điều 249 Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Dương Thị Bích L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

9. Căn cứ vào Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Hoài N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

10. Căn cứ vào Điểm i Khoản 1 Điều 249 Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Trần Ngọc T thời hạn tù bằng với thời gian đã tạm giam (từ ngày 15/7/2019 đến 16/3/2020) là 08 (tám) tháng 01 (một) ngày tù.

11. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015:

11.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 04 (bốn) màn hình hiệu BTE gồm các mã: 893937111702811, 893937121704126, 893937111702837, 893937121704125;

- 01 (một) tivi Panasonic model TH-49E410V, số máy: RV7330338;

- 01 (một) tivi Panasonic model TH-49E410V, số máy: RV7330294;

- 01 (một) tivi LG 49LJ553T-TC;

- 01 (một) tivi Panasonic model TH-49E410V, số máy: RV7360183;

- 04 (bốn) loa thùng để sàn màu đen hiệu CAT KING model LA18B;

- 08 (tám) loa treo tường hiệu JBL Ki312 màu xanh đen;

- 04 (bốn) cục công suất hiệu BCE C8800 gồm các mã: 632017600071, 632017600066, 632017600090, 632017600053;

- 04 (bốn) đầu thu micro không dây hiệu AAP K-900F màu đen gồm các mã: DY17112220, DY17112108, DY17112189, DY 17080909;

- 04 (bốn) đầu chỉnh âm thanh hiệu bce APP-9000 màu đen gồm các mã: JH168N4718D, JH168N4665D, JH168N4672D, JH168N4719D;

- 04 (bốn) đèn hình cầu;

- 04 (bốn) đèn quay;

- 01 (một) điện thoại Iphone X màu trắng, số IMEI không rõ;

- 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh đen, số IMEI : 353217/07/001823/2;

- 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng, số IMEI : 3583690646698142;

- 01 (một) điện thoại SamSung Galaxy Note 5 màu vàng, số IMEI: 353410/07236803/2;

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đỏ, số IMEI: 357314088471341;

- 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng đồng, số IMEI không rõ;

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J7 màu trắng xanh, số IMEI: 355726/09/88777/8;

- 01 (một) điện thoại Itel màu đỏ, số IMEI: 354083095894455;

- 01 (một) điện thoại Iphone 4 màu đen, số IMEI không rõ;

- 02 (hai) ống hút làm bằng tờ tiền loại 10.000 (mười ngàn) đồng;

- Số tiền 11.600.000 (mười một triệu, sáu trăm ngàn) đồng.

11.2. Trả lại cho:

- Bị cáo Võ Thành Đ: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng số IMEI: 3583690646698142 và 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng, số IMEI không rõ;

- Bị cáo Dương Thị Bích L: 01 (một) điện thoại Iphone màu hồng, số IMEI không rõ;

- Bị cáo Đặng Minh Đ: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J1 màu xám, số IMEI: 353120/08/984293/3;

11.3. Tịch thu tiêu hủy:

- 04 (bốn) đĩa thủy tinh;

- 05 (năm) gói niên phong gồm vụ: 1445/19/Q7, 1445/19/Q7, 1446/19/Q7, 1447/19/Q7, 1448/19/Q7;

- 09 (chín) thẻ bằng nhựa;

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 149 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7; Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 31/7/2019.)

12. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

13. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

14. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo; đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ; (Duyên).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong